TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:30/2018/HS-ST
Ngày 20-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hòa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách
Ông Lê Trọng Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ số: 37/TLST-HS ngày 12 tháng 2 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1.1. **Nguyễn Trung T1**– (Tên khác: T dâm), sinh năm 1990, tại Bình Phước;

Nơi cư trú: Thôn 4, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T và bà Kim Thị N; bị cáo có vợ tên Hà Thị Kim V và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013 và nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án,tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/10/2017 cho đến nay "có mặt".

1.2. **Nguyễn Văn T2**– (Tên khác: T điếc), sinh năm 1996, tại Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị T5; bị cáo chưa có vợ, con;

tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/10/2017 cho đến nay "có mặt".

Người bị hại: Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện P, Bình Phước

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hữu T4, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Bà Tạ Thị H, sinh năm: 1995 (Vắng mặt)

Bà Lê Thị T5, sinh năm: 1971 (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 20/6/2017, Nguyễn Trung T1 điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, BKS: 93P1-101.60 chở Nguyễn Văn T2 đi từ thị xã P, tỉnh Bình Phước đến xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước chơi. Khi Nguyễn Trung T1 và Nguyễn Văn T2 đi đến ngã ba Nông trường 9 thuộc xã B, huyện P thì Nguyễn Trung T1 và Nguyễn Văn T2 cùng rủ nhau đi tìm kiếm tài sản của người dân lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, Nguyễn Trung T1 và Nguyễn Văn T2 điều khiển xe đi đến khu vực lô cao su thuộc thôn 6, xã T thì cả 02 phát hiện xe mô tô hiệu PRESENT, BKS: 59Z1-002.11 của anh Phạm Văn T3, sinh năm 1980, trú tại thôn 3, xã T là người cạo mủ cao su thuê cho anh Lê Hữu N, sinh năm 1969, trú tại thôn 6, xã T. Lúc này, Nguyễn Trung T1 dừng xe lại để Nguyễn Văn T2 xuống xe, Nguyễn Trung T1 đứng ở ngoài đường cảnh giới, còn Nguyễn Văn T2 đi vào vị trí để xe mô tô trên. Tại đây, Nguyễn Văn T2 dùng tay rút dây của chìa khóa điện, dắt xe đi ra ngoài đường rồi nổ máy xe cùng với Nguyễn Trung T1 điều khiển xe mô tô đi về nhà nghỉ Kim C do chị Phạm Thị Kim C làm chủ ở khu phố P, phường B, thị xã L để thuê phòng ngủ. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T2và Nguyễn Trung T1mỗi người điều khiển 01 xe mô tô đi đến khu vực xã S, huyện P bán xe mô tô hiệu PRESENT, BKS: 59Z1-002.11 cho 01 đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch được 3.500.000đ. Nguyễn Trung T1 đưa cho Nguyễn Văn T2 1.750.000đ, Nguyễn Văn T2 lấy ra 200.000đ đưa cho M (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đi mua ma túy về cùng với Nguyễn Văn T2 sử dụng, số tiền còn lại Nguyễn Văn T2 tiêu xài cá nhân. Còn số tiền 1.750.000đ Nguyễn Trung T1 dùng đánh bạc và tiêu xài cá nhân.

Đối với Nguyễn Văn T, sau khi phát hiện bị mất xe mô tô đã đến Công an xã T trình báo sự việc.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 69 ngày 05/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: Tại thời điểm ngày 20/6/2017 giá trị sử dụng còn lại của xe mô tô hiệu PRESENT, BKS: 59Z1-002.11 là 2.000.000đ

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô hiệu Sirius, BKS: 93P1-101.60;
- 01 giấy đăng ký xe mô tô hiệu PRESENT, BKS: 59Z1-002.11

Tại bản Cáo trạng số:16/QĐ/KSĐT – KT ngày 12/2/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn T2 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các Điều 33; 45 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T1 mức án từ 09 đến 12 tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các Điều 33; 45 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 mức án từ 09 đến 12 tháng tù

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng trong vụ án và trách nhiệm dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra , Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn T2 đã khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người người bị hại và các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng của vụ án thu được, kết luận định giá tài sản có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên vào ngày 20/6/2017, Nguyễn Trung T1 và Nguyễn Văn T2 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô hiệu PRESENT, BKS: 59Z1-002.xx của Phạm Văn T3 có trị giá 2.000.000 đồng.

Hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn T2 thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn T2 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ và làm chủ được hành vi của mình. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp với thủ đoạn chung là lợi dụng sơ hở của người bị hại có chung mục đích lén lút chiếm đoạt tài sản.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Trung T1 là người chuẩn bị phương tiện phục vụ cho việc đi tìm tài sản để trộm cắp và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Bị cáo Nguyễn Văn T2 là người cảnh giới cho bị cáo Nguyễn Văn T2 chiếm đoạt tài sản của người bị hại.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo có tính nguy hiểm cao, thể hiện sự liều lĩnh, táo bạo. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức hình phạt nghiêm để cải tạo bị cáo, đồng thời để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về nhân thân: Khi quyết định hình phạt cho bị cáo cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Trung T1 thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999

Bị cáo Nguyễn Văn T2 thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự ; gia đình đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999

Đối với Tạ Thị H cho Nguyễn Văn T2 mượn xe BKS: 93P1-101.xx đi chơi, nhưng không biết Nguyễn Văn T2 dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đối tượng mua xe mô tô mà Nguyễn Trung T1 và Nguyễn Văn T2 phạm tội mà có; đối tượng tên M mua ma túy để sử dụng với bị cáo Nguyễn Văn T, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng này.

Do đó, cơ quan Điều tra đã tách ra để điều tra làm rõ xử lý sau, nên không đề cập đến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi đánh bạc của Nguyễn Trung T1, qua xác minh không xác định được Nguyễn Trung T1 đánh bạc cùng với ai, nên không có căn cứ để xử lý Nguyễn Trung T1 về hành vi này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, theo lời khai của các bị cáo còn tham gia các vụ trộm cắp tài sản ở khu thực thôn 2, xã T, huyện P và xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Hiện Cơ quan Điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lí theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và phần hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại ông Phạm Văn T3 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường là 5.000.000đ, Bà Lê Thị T5 (mẹ của Nguyễn Văn T2) đã tự nguyện bồi thường cho Phạm Văn T3 số tiền 5.000.000đ.

Tại phiên tòa người bị hại ông Phạm Văn T3 yêu cầu bị cáo Nguyễn Trung T1 tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 5.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Trung T1 đồng ý việc bồi thường, xét đây là sự tự nguyện của các bên nên cần ghi nhận.

Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô hiệu Sirius, BKS: 93P1-101.xx Cơ quan Điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô này cho Nguyễn Hữu T4 nên không đề cập đến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với giấy đăng ký xe mô tô hiệu PRESENT, BKS: 59Z1-002.xx cần trả lại cho Phạm Văn T3.

Án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Trung T1**– (Tên khác: T dâm), **Nguyễn Văn T2**– (Tên khác: T điếc) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ điểm khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung T1**– (Tên khác: T dâm) 09(Chín) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 23/10/2017.

- Căn cứ điểm khoản 1 Điều 138; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T2**– (Tên khác: T điếc) 09(Chín) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 23/10/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Trung T1 và bị hại về phần bồi thường thiệt hại như sau:

Bị cáo Nguyễn Trung T1 có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Phạm Văn T3 số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày đại diện nguyên đơn dân sự có yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thực hiện việc trả số tiền nêu trên, thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm chậm thi hành án.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên trả 01 giấy đăng ký xe mô tô hiệu PRESENT, BKS: 59Z1-002.xx cho ông Phạm Văn T3

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 về án phí, lệ phí các bị cáo **Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn T2**mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn đồng*).

3. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Trung T1 phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Nhà tạm giữ CA huyện Phú Riềng
- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Viết Hòa